

LỰA CHỌN TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC CÔNG TÁC CỦA CỬ NHÂN HUẤN LUYỆN THỂ THAO THEO HƯỚNG ĐÁP ỨNG NHU CẦU XÃ HỘI

Nguyễn Văn Hòa *

Tóm tắt:

Bằng các phương pháp nghiên cứu thường quy, chúng tôi đã lựa chọn được hệ thống gồm 5 tiêu chuẩn và 32 tiêu chí đánh giá phẩm chất và năng lực công tác của cử nhân Huấn luyện thể thao (HLTT) theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội, nhằm lấy ý kiến của người sử dụng lao động, các chuyên gia, nhà quản lý, các huấn luyện viên (HLV) đánh giá sản phẩm đào tạo của ngành HLTT là những sinh viên ra trường đang công tác tại các Trung tâm TDDT, các CLB thể thao thuộc các tỉnh thành phía Bắc.

Từ khóa: Tiêu chuẩn, tiêu chí, phẩm chất, năng lực, huấn luyện thể thao, Đại học TDDT Bắc Ninh.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong công tác huấn luyện thể thao thành tích cao ngày nay, đòi hỏi người HLV phải là một chuyên gia trong chuyên môn, là nhà tổ chức khôn khéo, đặc biệt là phải biết ứng dụng những nguyên tắc tổ chức lao động một cách khoa học trong thực tiễn. HLV phải biết cộng tác với mọi người trong công tác, tôn trọng ý kiến của tập thể, lắng nghe ý kiến của đồng nghiệp, biết đánh giá và phê phán. Ngoài ra, HLV phải là người có trình độ văn hoá, trình độ chuyên môn cao, có nhận thức chính trị tốt. Dựa trên kết quả đánh giá phẩm chất và năng lực công tác của cử nhân HLTT sau khi ra trường sẽ tìm ra những mặt mạnh và những mặt còn hạn chế trong thực tiễn công tác. Từ đó đề ra những giải pháp phù hợp với nhu cầu thực tiễn xã hội nhằm nâng cao chất lượng đào tạo cử nhân HLTT. Do vậy việc lựa chọn hệ thống tiêu chuẩn và tiêu chí đánh giá phẩm chất và năng lực công tác của cử nhân HLTT theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội là việc làm cần thiết và có ý nghĩa thực tiễn.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Quá trình nghiên cứu sử dụng các phương pháp sau: Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu; Phương pháp quan sát sự phạm; Phương pháp phỏng vấn tọa đàm; Phương pháp toán học thống kê.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

1. Cơ sở lý luận xác định các tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá phẩm chất và năng lực công tác của cử nhân HLTT theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội

1.1. Các nguyên tắc cơ bản về thiết kế bộ tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá phẩm chất và năng lực công tác của cử nhân HLTT

- Nguyên tắc 1: Tính độc lập của các tiêu chuẩn, tiêu chí trong hệ thống khi xác lập. Các tiêu chuẩn, tiêu chí, phải phản ánh được yếu tố cụ thể, không được trùng lặp, không có hai tiêu chí phản ánh cùng một yếu tố. Có như vậy tất cả các yếu tố trong bộ tiêu chuẩn, tiêu chí mới tách bạch, rõ ràng và khi xác định hoặc đánh giá chất lượng mới chuẩn xác. Có thể mỗi tiêu chuẩn bao gồm nhiều tiêu chí phản ánh các yếu tố khác nhau.

- Nguyên tắc 2: Tính toàn diện của hệ thống tiêu chuẩn, tiêu chí được thiết kế phải phản ánh toàn bộ các yếu tố, tức là mọi công việc và mọi yếu tố ảnh hưởng tích cực tới phẩm chất năng lực chuyên môn của cử nhân HLTT, không để thiếu những yếu tố cơ bản, quan trọng.

- Nguyên tắc 3: Nguyên tắc về tính có thể đo lường trực tiếp. Nguyên tắc này nhằm mục đích thông qua những dữ liệu định lượng và định tính để đánh giá cho xác đáng, cho khách quan, không phạm vào chủ quan duy ý chí.

*NCS khóa 3, Trường Đại học TDDT Bắc Ninh

1.2. Những căn cứ lựa chọn tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá phẩm chất và năng lực công tác của cử nhân HLTT

- Căn cứ vào Quyết định số 12/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 10 tháng 3 năm 2008 ban hành “tiêu chuẩn các ngạch viên chức ngành Thể dục thể thao”, gồm Huấn luyện viên cao cấp mã số ngạch 18.179; Huấn luyện viên chính (18.180); Huấn luyện viên (18.181) và Hướng dẫn viên (18.182);

- Căn cứ vào Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BVHTTDL-BNV ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ trưởng Bộ Nội Vụ về “quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Thể dục thể thao”;

- Căn cứ vào nội dung chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo cử nhân HLTT.

Tác giả bước đầu xác định được những thành phần cơ bản của bộ tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá

phẩm chất và năng lực công tác của cử nhân HLTT sau khi ra trường công tác tại cơ sở, gồm 42 tiêu chí được thể hiện trong 5 tiêu chuẩn.

2. Lựa chọn tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá phẩm chất và năng lực công tác của cử nhân HLTT theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội

Để bộ tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá phẩm chất và năng lực công tác của cử nhân HLTT đảm bảo được tính khoa học và tính khách quan, chúng tôi đã tiến hành phỏng vấn bằng phiếu hỏi tới 72 cán bộ gồm: 30 chuyên gia là cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý các phòng, khoa, trung tâm của Trường Đại học TDTT Bắc Ninh và 42 cán bộ quản lý, huấn luyện viên có kinh nghiệm tại các Trung tâm đào tạo VDV ở các tỉnh thành phía Bắc với thang điểm đánh giá 3 mức độ ưu tiên: Ưu tiên 1 = 3 điểm; Ưu tiên 2 = 2 điểm; Ưu tiên 3 = 1 điểm. Kết quả thu được sau khi xử lý được thể hiện ở bảng 1.

Bảng 1. Kết quả phỏng vấn lựa chọn các tiêu chí đánh giá phẩm chất và năng lực công tác của cử nhân HLTT theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội (n=72)

TT	Các tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			Tổng	
		Ưu tiên 1	Ưu tiên 2	Ưu tiên 3	Điểm	%
		n	n	n		
1	Tiêu chuẩn 1. Phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống					
1.1	Yêu nước, yêu CNXH, chấp hành tốt mọi chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy định của nơi công tác	52	20	0	196	90.7
1.2	Yêu nghề, sống trung thực lành mạnh có phẩm chất đạo đức tốt, là tấm gương tốt cho VĐV noi theo	43	28	1	186	86.1
1.3	Tham gia trực tiếp hoạt động trong các tổ chức chính trị xã hội ở địa phương	10	43	19	135	62.5
1.4	Chấp hành kỷ luật, quy định về chuyên môn nghề nghiệp và trách nhiệm lao động	13	38	21	136	63
1.5	Đoàn kết với đồng nghiệp, tôn trọng VĐV, có ý thức xây dựng tập thể tốt để cùng thực hiện mục tiêu đào tạo và huấn luyện	41	30	1	184	85.2
1.6	Đối xử công bằng, thân thiện, thương yêu và giúp đỡ VĐV, luôn bảo vệ lẽ phải	45	27	0	189	87.5
1.7	Lối sống văn minh giản dị, phù hợp bản sắc dân tộc và môi trường xã hội, đặc thù nghề nghiệp	33	38	1	176	81.5
1.8	Phong cách, tác phong làm việc đúng đắn, khoa học và hiệu quả	29	42	1	172	79.6

2	Tiêu chuẩn 2. Năng lực tìm hiểu môi trường công tác và quan hệ với tập thể				
2.1	Có khả năng nắm bắt được đặc điểm tâm sinh lý của VĐV để phục vụ cho quá trình đào tạo HL	43	29	0	187 86.6
2.2	Tôn trọng và lời cuốn quần chúng, bình tĩnh tự tin xử lý các tình huống	11	45	16	139 64.4
2.3	Kết hợp hài hòa giữa lợi ích cá nhân và lợi ích tập thể, đoàn kết thân thiện và giúp đỡ lẫn nhau	44	28	0	188 87
2.4	Xây dựng môi trường làm việc nghiêm túc, điều chỉnh các mối quan hệ, không ngừng nâng cao kỹ năng giải quyết mâu thuẫn	46	24	2	188 87
2.5	Khả năng lắng nghe ý kiến, chọn lọc và xử lý các thông tin thường xuyên từ nhu cầu (của VĐV, đồng nghiệp và lãnh đạo)	43	29	0	187 86.6
5.6	Nắm hiểu đặc điểm tình hình chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, các hoạt động Đảng, đoàn thể của đơn vị và địa phương	37	35	0	181 83.8
2.7	Vận dụng các kiến thức về khoa học giáo dục, y sinh học và chuyên môn nghiệp vụ trong hướng dẫn quần chúng	14	39	19	139 64.4
3	Tiêu chuẩn 3. Năng lực xây dựng kế hoạch công tác				
3.1	Xác định mục tiêu, nhiệm vụ, nắm hiểu các nguyên tắc và phương pháp lập kế hoạch huấn luyện thể thao	42	30	0	186 86.1
3.2	Có khả năng xây dựng kế hoạch, soạn giáo án phù hợp với đặc thù của bộ môn theo hướng đào tạo huấn luyện hiện đại	34	37	1	177 81.9
3.3	Khả năng dự báo tình hình phát triển TDTT ở địa phương để ứng dụng và điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ vào kế hoạch	29	41	2	171 79.2
3.4	Khả năng xác định đúng mục tiêu, yêu cầu và phối hợp với các cơ quan, đơn vị trong hoạt động	11	39	22	133 61.6
3.5	Có khả năng dự báo xu hướng và kết quả thi đấu (để đưa ra đối sách phù hợp)	38	34	0	182 84.3
3.6	Xây dựng các tài liệu chung và chuyên môn cần thiết, sắp xếp và khai thác khoa học, hiệu quả	39	32	1	182 84.3
3.7	Bảo quản và bổ sung các tài liệu mới cần thiết, biết sử dụng công nghệ thông tin để khai thác	9	39	24	129 59.7
4	Tiêu chuẩn 4. Năng lực tổ chức thực hiện nhiệm vụ chuyên môn được giao				
4.1	Hoàn thành nhiệm vụ công tác huấn luyện hàng năm, có VĐV đạt thành tích thi đấu cao	33	39	0	177 81.9
4.2	Thực hiện hiệu quả kế hoạch huấn luyện, đạt được thành tích thi đấu mong muốn	42	27	3	183 84.7
4.3	Có kỹ năng và kiến thức chuyên môn tốt, sử dụng linh hoạt các phương tiện, phương pháp huấn luyện đặc thù	50	22	0	194 89.8
4.4	Trực tiếp chỉ đạo thi đấu và có ảnh hưởng tích cực tới thành tích thi đấu, phân tích và tổng kết báo cáo sau thi đấu	44	28	0	188 87

4.5	Bình tĩnh giải quyết các tình huống xảy ra trong quá trình thi đấu, biết lắng nghe và tiếp thu những góp ý, tự rút kinh nghiệm để tiến bộ	40	31	1	183	84.7
4.6	Năng lực vận dụng các nguyên tắc và phương pháp tổ chức quản lý trong hoạt động huấn luyện đúng và phù hợp, vận dụng sáng tạo kiến thức và kỹ năng vào thực tiễn	33	39	0	177	81.9
4.7	Năng lực tổ chức giảng dạy, huấn luyện và trọng tài thể thao và thi đấu các giải TDTT ở cơ sở	45	27	0	189	87.5
4.8	Năng lực hướng dẫn sử dụng các phương tiện thiết bị khoa học TDTT	8	47	17	135	62.5
4.9	Kiểm tra ý thức kỷ luật lao động và chấp hành pháp luật, quy định, kế hoạch công tác	13	43	16	141	65.3
4.1	Kiểm tra, đánh giá kết quả huấn luyện, thành tích của VĐV: Bảo đảm yêu cầu chính xác, toàn diện, công bằng, khách quan	46	24	2	188	87
4.11	Đánh giá mức độ triển khai kế hoạch, và hiệu quả hoàn thành các nhiệm vụ, kế hoạch được giao	43	29	0	187	86.6
5	Tiêu chuẩn 5. Năng lực phát triển chuyên môn nghiệp vụ					
5.1	Có khả năng tự nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức, chuyên môn nghiệp vụ nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo và huấn luyện	37	35	0	181	83.8
5.2	Phát hiện, tìm ra các phương pháp, quan điểm huấn luyện mới để giải quyết vấn đề trong quá trình huấn luyện và công tác	52	20	0	196	90.7
5.3	Ứng dụng các kỹ thuật, phương pháp mới và khoa học công nghệ để giải quyết các vấn đề trong huấn luyện	25	38	9	160	74.1
5.4	Nghiên cứu cải tiến phương tiện kỹ thuật, khai thác các phương tiện hiện đại	34	36	2	176	81.5
5.5	Tự chủ, có kế hoạch học tập, rèn luyện nâng cao nghiệp vụ đạo đức tác phong	11	46	15	140	64.8
5.6	Biết dự báo và phát hiện kịp thời các nhiệm vụ mới phát sinh	34	38	0	178	82.4
5.7	Phối hợp đồng nghiệp triển khai rút kinh nghiệm giải quyết các phát sinh kịp thời	9	46	17	136	63
5.8	Khả năng giao tiếp với quốc tế	33	39	0	177	81.9
5.9	Kỹ năng xây dựng văn bản và khai thác công nghệ thông tin	45	27	0	189	87.5

SELECTION OF QUALITY AND CAPABILITY ASSESSMENT CRITERIA FOR BACHELORS OF SPORTS TRAINING FACULTY TOWARDS SOCIAL NEEDS

Summary: By the common research methods, we have selected the system of criteria to assess the quality and capability for the bachelors of the Sports Training Faculty towards social needs in order to get review of employers, experts and managers. The product of the Sport Training Faculty is graduated students working for Sports Centres and Clubs in the Northern provinces.

Keywords: Select, criteria, assess, quality, capability, Sport Training Faculty, Bac Ninh University of Sports.



Việc lựa chọn hệ thống tiêu chuẩn và tiêu chí đánh giá phẩm chất và năng lực công tác của cử nhân HLTT theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội là việc làm cần thiết và có ý nghĩa thực tiễn (Ảnh minh họa)

Để đảm bảo những tiêu chuẩn, tiêu chí được lựa chọn là những tiêu chuẩn, tiêu chí tiêu biểu nhất dùng đánh giá phẩm chất và năng lực công tác của cử nhân HLTT, chúng tôi đã lựa chọn các tiêu chí có tổng điểm đạt từ 70.0% trở lên, đồng thời loại bỏ các tiêu chí có tổng số điểm nhỏ hơn 70.0%.

Kết quả xử lý số liệu tại bảng 1 đã lựa chọn được 32 tiêu chí trong 5 tiêu chuẩn có tổng điểm đạt trên 70.0%, được chúng tôi lựa chọn để đánh giá phẩm chất và năng lực công tác của cử nhân HLTT; còn 11 tiêu chí không được lựa chọn vì có tổng số điểm nhỏ hơn 70.0%, do các chuyên gia đánh giá không cao nên chúng tôi loại bỏ các tiêu chí này. Như vậy, từ kết quả phỏng vấn các chuyên gia, nhà quản lý, các HLV chúng tôi đã lựa chọn được 5 tiêu chuẩn với 32 tiêu chí để đánh giá phẩm chất và năng lực công tác của cử nhân HLTT.

KẾT LUẬN

Căn cứ vào các văn bản pháp qui hiện hành và các nguyên tắc lựa chọn, căn cứ kết quả

phỏng vấn đề tài đã lựa chọn được 5 tiêu chuẩn và 32 tiêu chí đảm bảo các yêu cầu để đánh giá phẩm chất và năng lực công tác của cử nhân HLTT sau khi ra trường công tác, gồm: Tiêu chuẩn 1: Phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống (6 tiêu chí); Tiêu chuẩn 2: Năng lực tìm hiểu môi trường công tác và quan hệ với tập thể (5 tiêu chí); Tiêu chuẩn 3: Năng lực xây dựng kế hoạch công tác (5 tiêu chí); Tiêu chuẩn 4: Năng lực tổ chức thực hiện nhiệm vụ chuyên môn được giao (9 tiêu chí); Tiêu chuẩn 5: Năng lực phát triển chuyên môn nghiệp vụ (7 tiêu chí).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Văn Dũng (2015), Nâng cao hiệu quả hoạt động của huấn luyện viên đội tuyển quốc gia, *Đề tài khoa học và công nghệ cấp bộ*, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
 2. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Quyết định số 12/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 10 tháng 3 năm 2008 ban hành, *tiêu chuẩn các ngạch viên chức ngành Thể dục thể thao*.
 3. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BVHTTDL-BNV ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ trưởng Bộ Nội Vụ về “*quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành TDTT*”.
 4. Trường Đại học TDTT Bắc Ninh (2010) “*Chương trình đào tạo ngành HLTT*”, Nxb TDTT, Hà Nội .
 5. Nguyễn Đức Văn (2000), *Phương pháp thống kê trong TDTT*, Nxb TDTT, Hà Nội.
- (Bà nộp ngày 7/3/2016, Phản biện ngày 15/3/2016, duyệt in ngày 25/3/2016)